

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
TP. CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2017/DS - ST

Ngày: 22/9/2017

V/v: " T/c ranh giới bất động sản liền kề "

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT - TP CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Võ Bá Lộc**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà **Võ Thị Ánh**

2/ Bà **Lê Cẩm Huỳnh**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nhàn – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt - Tp. Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt – Tp. Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Thùy Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 128/2015/TLST - DS, ngày 14 tháng 10 năm 2015, về việc " *Tranh chấp ranh giới bất động sản liền kề* ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 501/2017/QĐST - DS ngày 07/9/2017 của TAND quận Thốt Nốt giữa các đương sự:

Các nguyên đơn:

1/. Ông **Võ Văn P** - sinh năm 1937 (có mặt)

2/. Bà **Đinh Thị Tuyết B**- sinh năm 1952

3/. Ông **Võ Thanh H** - sinh năm 1978

4/. Ông **Võ Thanh T** - sinh năm 1980

5/. Ông **Võ Minh A**- sinh năm 1996

Cùng địa chỉ: KV C, phường L, quận N, tp. T

(Tất cả ủy quyền cho ông Võ Văn P tham gia tố tụng)

Các bị đơn:

1/. Bà **Hà Thị M**- sinh năm 1941

2/. Bà **Võ Thị Kim L** - sinh năm 1966

3/. Bà **Võ Thị Bích V** - sinh năm 1978

4/. Bà **Võ Thị Bích P** - sinh năm 1980

5/. Bà **Võ Thị H** - sinh năm 1967

6/. Ông **Võ Văn D** - sinh năm 1971

Người đại diện hợp pháp bị đơn: Bà **Võ Thị C** – sinh năm: 1970 (có mặt)

Cùng địa chỉ: KV C, phường L, quận N, tp. T

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà **Võ Thị C** – sinh năm: 1970 (có mặt)

Địa chỉ: KV C, phường L, quận N, tp. T

2/ Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt

Trụ sở: khu vực Phụng Thạnh 1, phường N, Q. N, T

Người đại diện hợp pháp: Ông **Trần Thanh Hoài** – sn: 1979 (vắng mặt)

Chức vụ: Phó trưởng Phòng Tài nguyên Môi trường quận Thốt Nốt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/7/2015 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Võ Văn P đồng thời là đại diện hợp pháp cho các đồng nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn là chủ sử dụng tại thửa đất 869, diện tích 817m², loại đất T, LNK do ông đại diện hộ gia đình đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00251 được UBND huyện N (cũ) cấp ngày 25/7/2003, tọa lạc ấp C, xã L, huyện N (cũ), tỉnh T (*Nay thuộc khu vực C, phường L, quận N, tp. Tp. T*). Nguồn gốc đất của ông bà để lại cho gia đình ông sử dụng và quá trình sử dụng tiếp giáp với thửa đất của ông là thửa đất 867 do hộ Võ Văn Tịch đứng tên trên giấy CNQSD đất (ông Tịch chết năm 2010) hiện bị đơn là vợ, con của ông Tịch đang quản lý sử dụng. Quá trình sử dụng đất giữa các thửa đất có ranh giới cụ thể nhưng bị đơn đã tự ý lấn chiếm qua phần đất của ông, có diện tích qua đo đạc 19,1m², sau khi phát hiện hai bên có thỏa thuận nhiều lần nhưng không thành nên phát sinh mâu thuẫn. Vụ việc được UBND phường L hòa giải nhưng không thành.

Qua kết quả đo đạc diện tích thửa đất 869 của ông có diện tích còn thiếu so với giấy được cấp đã ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông. Nay nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn có trách nhiệm giao trả cho nguyên đơn phần đất lấn chiếm có diện tích 19,1m² do bị đơn đang quản lý. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn có người đại diện hợp pháp bà Võ Thị C đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Bà và các bị đơn là vợ, con của ông Võ Văn Tịch (chết năm 2010). Gia đình bị đơn là chủ sử dụng tại thửa đất 694, diện tích 1.000m² và thửa đất 867, diện tích 1.720m² do ông Võ Văn Tịch đại diện hộ gia đình đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00472 được UBND huyện N (cũ) cấp ngày 25/7/2002, tọa lạc ấp C, xã L, huyện N (cũ), tỉnh T, (*Nay thuộc khu vực C, phường L, quận N, tp. Tp. T*). Nguồn gốc đất của ông bà để lại cho gia đình bà, quá trình sử dụng tiếp giáp với thửa đất của bị đơn là thửa đất 869 của ông Võ Văn P quản lý sử dụng. Từ trước đến khi tranh chấp thì giữa thửa đất 867 và 869 có ranh giới là mốc trụ đá do gia đình bà trồng và quản lý sử dụng đến nay và gia đình bà không lấn chiếm đất của nguyên đơn.

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn không đồng ý vì qua đo đạc thực tế các thửa đất 694, 867 của bị đơn có tổng diện tích 2.680,4m² còn thiếu so với giấy được cấp nên nguyên đơn cho rằng gia đình bị đơn lấn chiếm đất là không đúng vì gia đình bị đơn không lấn chiếm mà sử dụng đúng theo hiện trạng từ trước đến nay.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt có người đại diện hợp pháp ông Trần Thanh Hoài trình bày như sau:

Đối với thửa đất 869: Theo hồ sơ địa chính nhận thấy thời điểm năm 1990 ông Võ Văn P kê khai trên sổ bộ mục kê tại thửa đất số 869, diện tích 1.751m² loại đất T, được Ủy ban nhân dân huyện N (cũ) cấp giấy CNQSDRĐ số 446/GCN/RĐ ngày 29/10/1990. Năm 1998 ông P làm đơn xin đổi giấy CNQSD đất từ giấy trắng sang giấy đỏ. Qua đó hộ ông P được UBND huyện N (cũ) cấp đổi lại giấy CNQSD đất số 000263 ngày 14/12/1998 tại thửa đất 869 nêu trên.

Đối với thửa đất 694, 867: Theo hồ sơ địa chính thể hiện, năm 1990 ông Võ Văn Tịch kê khai đăng ký thửa đất 694, diện tích 1.000m², loại đất T, thửa đất 867, diện tích 1.720m², loại đất ĐM và được UBND huyện N (cũ) cấp giấy CNQSDRĐ số 1554/GCN/RĐ ngày 24/11/1990. Năm 2002 ông Tịch được cấp đổi từ giấy trắng sang giấy đỏ và được UBND huyện N cấp lại giấy CNQSD đất số 00472, ngày 25/7/2002.

Qua đối chiếu hồ sơ địa chính nhận thấy, vào thời điểm kê khai năm 1990 và đăng ký cấp giấy CNQSD đất tại thửa đất 869 và thửa đất 694, 867 không có khiếu nại hay tranh chấp liên quan. Do vậy, việc UBND huyện N (cũ) cấp giấy CNQSD ruộng đất số 446/ GCN/RĐ ngày 29/10/1990 tại thửa đất 869 cho hộ Võ Văn P và giấy chứng nhận QSD ruộng đất số 1554/GCN/RĐ ngày 24/11/1990 tại các thửa đất 694, 867 cho hộ ông Võ Văn Tịch là đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại khoản 2, mục II, Quyết định số 201/ĐKTK ngày 14/7/1989 của Tổng cục quản lý ruộng đất về việc quản lý ban hành quy định cấp giấy CNQSD đất.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành xem xét đo đạc, thẩm định tại chỗ phần đất tranh chấp. Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, ngày 02/12/2016 có thể hiện tài sản trên đất là một phần căn nhà của ông Nguyễn Vĩnh Thụy, tuy nhiên, qua kết quả đo đạc tại Bản trích đo địa chính số 20/TTKTTNMT của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên Môi trường Tp. T, lập ngày 24/02/2017 thì phần diện tích tranh chấp 19,1m² không có tài sản trên đất và đã được các đương sự thống nhất.

Sau khi thụ lý Tòa án đã tiến hành hòa giải động viên nhiều lần nhưng các đương sự vẫn không thỏa thuận được cách thức giải quyết vụ án nên được đưa ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như quá trình Tòa án thu thập chứng cứ, mặt khác, nguyên đơn cho rằng phần đất bị đơn thiếu so với giấy được cấp là do phần đất giáp sông bị sạt lở và phần tiếp giáp giữa hai thửa 867, 869 là đường thẳng chứ không gãy khúc như bị đơn trình bày.

Bị đơn có người đại diện hợp pháp bà C đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày: Ông bà vẫn giữ nguyên ý kiến, không đồng ý giao trả phần đất tranh chấp 19,1m² cho nguyên đơn, vì bị đơn không lấn chiếm đất. Bị đơn thừa nhận đất bị sạt lở nhưng không biết diện tích bao nhiêu, còn hình thể phần đất trên giấy đất được cấp bị đơn không biết chỉ biết sử dụng đúng hiện trạng mà cha đã sử dụng từ trước đến nay.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại

phiên tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật, đồng thời, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Hà Thị M, bà Võ Thị Kim L, bà Võ Thị Bích V, ông Võ Văn D, bà Võ Thị H, bà Võ Thị Bích P và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị C phải có trách nhiệm giao trả phần đất diện tích 19,1m² thuộc thửa đất 869 cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

(1) *Về thủ tục tố tụng:* Ông Trần Thanh Hoài là đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân quận N là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có yêu cầu xin xét vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông là phù hợp.

Xét thấy quá trình Tòa án giải quyết vụ án có tiến hành xem xét, đo đạc thẩm định tại chỗ và tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, ngày 02/12/2016 có thể hiện phần căn nhà của ông Nguyễn Vĩnh Thụy trên đất tranh chấp. Tuy nhiên, qua kết quả đo đạc thực tế thể hiện tại Bản trích đo địa chính số 20/TTKTTNMT của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên Môi trường Tp. T, lập ngày 24/02/2017 thì phần diện tích tranh chấp 19,1m², không có tài sản trên đất và đã được các đương sự thống nhất nên Hội đồng xét xử không cần thiết triệu tập ông Nguyễn Vĩnh Thụy tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án là phù hợp.

(2) *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả lại phần đất có diện tích 19,1m² nhưng bị đơn không đồng ý giao trả đất vì cho rằng không lấn chiếm đất của nguyên đơn. Xét đây là quan hệ pháp luật “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” mà cụ thể là “*Tranh chấp ranh giới giữa các bất động sản liền kề*” và yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N theo quy định khoản 9 Điều 26, các Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung tranh chấp: Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhận thấy như sau:

(3) *Về việc cấp giấy CNQSD đất:* Các đương sự thống nhất nguồn gốc các thửa đất 869, 694, 867 của nguyên đơn, bị đơn đều được cha mẹ để lại cho các đương sự sử dụng từ trước năm 1990, sau đó, được Ủy ban nhân dân huyện N (cũ) cấp giấy CNQSD ruộng đất tại thửa đất 869 cho hộ Võ Văn P và tại các thửa đất 694, 867, không ai tranh chấp, khiếu nại gì. Quá trình giải quyết vụ án, Ủy ban nhân dân quận N có Công văn số 1797/UBND –NC ngày 04/8/2017 phúc đáp cho Tòa án có nội dung: “*Việc UBND huyện N (cũ) cấp giấy CNQSD ruộng đất số 446/ GCN/RĐ ngày 29/10/1990 tại thửa đất 869 cho hộ Võ Văn P và giấy chứng nhận QSD ruộng đất số 1554/GCN/RĐ ngày 24/11/1990 tại các thửa đất 694, 867 cho hộ ông Võ Văn Tịch là đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại khoản 2, mục II, Quyết định số 201/ĐKTK ngày 14/7/1989 của Tổng cục quản lý ruộng đất về việc quản lý ban hành quy định cấp giấy CNQSD đất*”. Vì vậy, có cơ sở xác định việc

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự là phù hợp theo quy định pháp luật.

(4) *Về căn cứ khởi kiện:* Qua đối chiếu số liệu diện tích thực tế cả các thửa đất liền kề của nguyên đơn, bị đơn (không tính diện tích tranh chấp) được thể hiện tại Bản trích đo địa chính số 20/TTKTTNMT của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên Môi trường Tp. T, lập ngày 24/02/2017 thì thấy thửa đất 869 của nguyên đơn có tổng diện tích đo đạc thực tế 1.561m^2 so với giấy được cấp ban đầu 1.751m^2 thiếu 190m^2 còn các thửa đất 694, 867 của bị đơn có tổng diện tích đo đạc là $2.680,4\text{m}^2$ so với giấy được cấp tổng diện tích 2.720m^2 thiếu $39,6\text{m}^2$ nên quyền lợi các bên đều bị ảnh hưởng.

Xét thấy diện tích đất thực tế giảm so với giấy được cấp ban đầu có nguyên nhân khách quan, chủ quan và được các bên thừa nhận, bởi các lý do:

+ Đường lộ giao thông tiếp giáp thửa 869 tại thời điểm năm 1990 có kích thước khoảng 2,0m nhưng nay qua đo đạc xác định lộ L được mở rộng từ 4,5m đến 5,0m nên ảnh hưởng diện tích của thửa này;

+ Thửa đất 694 của bị đơn có hiện trạng giáp rạch Ruộng nên quá trình sử dụng bị xói mòn sạt lở dẫn đến mất diện tích đất;

+ Quá trình sử dụng ranh giới các đương sự tiếp giáp các hộ tứ cận có sự thay đổi cột mốc so với hiện trạng ban đầu, cùng với kỹ thuật đo đạc thời điểm năm 1990 để cấp giấy cho các hộ gia đình được sử dụng bằng phương pháp thủ công, đơn giản nay được đo đạc máy móc hiện đại nên có sự chênh lệch về diện tích có thửa đất thiếu diện tích so với giấy được cấp là sự thật.

Vì vậy, cơ sở xác định ranh giới giữa các thửa đất 867, 869 như thế nào? Hội đồng xét xử thấy rằng để giải quyết vụ án này được công bằng và khách quan thì không chỉ căn cứ vào kết quả đo đạc diện tích các thửa đất để xác định ranh giới giữa các thửa đất 869, 867 mà phải căn cứ toàn diện quá trình sử dụng đất, hình thể thửa đất được thể hiện trong giấy CNQSD đất đã cấp cho các đương sự từ năm 1990 đến nay không ai tranh chấp khiếu nại, thì thấy rằng từ khi cấp giấy lần đầu đến nay các cạnh chiều ngang, chiều dài các thửa đất 867, 869 đều là đường thẳng vuông góc với nhau.

Nay bị đơn cho rằng phần diện tích tranh chấp thuộc quyền sử dụng của mình là mẫu thuẫn bởi vì chiều ngang mặt trước của thửa 867 do bị đơn đang sử dụng là đường thẳng, tính từ điểm tiếp giáp thửa 868, 869 có kích thước 18,1m đến vị trí tranh chấp lại gãy khúc (đoạn 3,91m, đoạn 3,98m) là không phù hợp, trong khi hình thể thửa đất 869 của nguyên đơn sử dụng là đúng so hình thể trong giấy được cấp mà cụ thể là chiều ngang tiếp giáp với thửa 867 là đường thẳng. Từ đó, cho thấy việc bị đơn cho rằng đất của mình thiếu so giấy được cấp không đồng ý trả lại đất là không hợp lý như phân tích trên nên cần xác định ranh giới giữa các thửa đất số 867, 869 là đường thẳng và phần đất tranh chấp $19,1\text{m}^2$ thuộc thửa đất 869 của nguyên đơn là đúng theo quy định Điều 175 Bộ luật dân sự năm 2015.

(5) Xét trong vụ án này, nguyên đơn là chủ sử dụng đất hợp pháp có quyền yêu cầu bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là người chiếm hữu, sử dụng không có căn cứ pháp luật phải trả lại tài sản thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn nên buộc những người này đang quản lý sử dụng đất phải có trách nhiệm giao trả cho nguyên đơn là phù hợp

Từ những nhận định phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà C phải có trách nhiệm giao trả phần đất diện tích 19,1 m² thuộc thửa đất số 869 cho nguyên đơn theo quy định tại các Điều 164, 166 Bộ luật dân sự năm 2015.

(6) *Về chi phí tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành đo đạc thẩm định và định giá tài sản với chi phí số tiền 6.500.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền 6.500.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí này theo quy định tại các Điều 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

(7) *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với phần đất giao trả lại cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 17 Nghị quyết 01/2012/NQ – HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án năm 2009 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

(8) Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên, Hội đồng xét xử

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các Điều 4, 26, 35, 39, 91, 147, 157, 165, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 164, 166, 175 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Các Điều 166, 170, 203 Luật Đất đai năm 2013;
- Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;
- Nghị quyết 01/2012/NQ – HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Công nhận cho nguyên đơn ông Võ Văn P, bà Đinh Thị Tuyết Ba, ông Võ Thanh H, ông Võ Thanh T, ông Võ Minh Được quyền sử dụng phần đất diện tích 19,1m² thuộc thửa đất 869, loại đất CLN, tờ bản đồ số 01 do ông Võ Văn P đại diện hộ gia đình đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00251 được UBND huyện N (cũ) cấp ngày 25/7/2003, tọa lạc ấp C, xã L, huyện N (cũ), tỉnh T (*Nay thuộc khu vực C, phường L, quận N, tp. Tp. T*).

Buộc bị đơn bà Hà Thị M, bà Võ Thị Kim L, bà Võ Thị Bích V, ông Võ Văn D, bà Võ Thị H, bà Võ Thị Bích P và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị C phải có trách nhiệm giao trả phần đất diện tích 19,1m² thuộc thửa đất 869 cho nguyên đơn, hiện do ông bà đang quản lý.

Vị trí, kích thước các cạnh phần đất 19,1m² của nguyên đơn được quyền sử dụng được xác định Bản trích đo địa chính số 20/TTKTTNMT của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên Môi trường Tp. T, lập ngày 24/02/2017 (*Đính kèm*).

Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc, thẩm định và định giá tài sản là 6.500.000 đồng. Công nhận nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền này. Bị đơn bà Hà

Thị M, bà Võ Thị Kim L, bà Võ Thị Bích V, ông Võ Văn D, bà Võ Thị H, bà Võ Thị Bích P phải nộp số tiền 6.500.000 đồng để trả lại cho nguyên đơn.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Hà Thị M, bà Võ Thị Kim L, bà Võ Thị Bích V, ông Võ Văn D, bà Võ Thị H, bà Võ Thị Bích P phải nộp số tiền 200.000 đồng án phí.

Nguyên đơn ông Võ Văn P, bà Đinh Thị Tuyết B, ông Võ Thanh H, ông Võ Thanh T, ông Võ Minh A được nhận số tiền tạm ứng án phí 100.000 đồng mà ông bà đã nộp Chi cục thi hành án dân sự quận N, tp. Tp. T theo Biên lai thu tiền số 002428, ngày 07/10/2015.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND quận Thốt Nốt;
- Chi cục THA quận Thốt Nốt;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Bá Lộc